



## Journal of Mining and Earth Sciences

Website: <http://jmes.humg.edu.vn>



# Efficiency of using the business capital: realistic vision in Mong Duong Coal Joint Stock Company – Vinacomin



Huyen Trang Thi Nguyen<sup>1,\*</sup>, Mai Tuyet Thi Nguyen<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Faculty of Economics and Business Administration, Hanoi University of Mining and Geology, Vietnam

<sup>2</sup> Mong Duong Coal Joint Stock Company, Vinacomin, Vietnam

### ARTICLE INFO

### ABSTRACT

#### Article history:

Received 1<sup>st</sup> Aug. 2020

Revised 16<sup>th</sup> Sept. 2020

Accepted 31<sup>st</sup> Oct. 2020

#### Keywords:

Efficiency of using the business capital,  
Mong Duong Coal Joint Stock Company –  
vinacomin.

*Business capital is a resource that decide the existence and development of an enterprise. Using the business capital suitably will help the enterprise maintain production regularly in order to make a profit and preserve capital. The article introduced the state of using business capital in Mong Duong Coal Joint Stock Company - Vinacomin (2017-2019). From realistic vision, some methods are proposed to improve the effectiveness of using the business capital in Mong Duong company next time.*

Copyright © 2020 Hanoi University of Mining and Geology. All rights reserved.

\*Corresponding author

E-mail: [trang11101010@gmail.com](mailto:trang11101010@gmail.com)

DOI: 10.46326/JMES.KTQT2020.03



## Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất

Trang điện tử: <http://tapchi.humg.edu.vn>



# Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh: Nhìn từ thực tế tại Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

Nguyễn Thị Huyền Trang<sup>1,\*</sup>, Nguyễn Thị Tuyết Mai<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Việt Nam

<sup>2</sup> Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin, Việt Nam

### THÔNG TIN BÀI BÁO

### TÓM TẮT

#### Quá trình:

Nhận bài 1/8/2020

Sửa xong 16/09/2020

Chấp nhận đăng 31/10/2020

#### Từ khóa:

Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin, Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh.

Vốn kinh doanh là nguồn lực, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc sử dụng vốn kinh doanh hợp lý sẽ giúp doanh nghiệp duy trì sản xuất kinh doanh đều đặn và tạo khả năng sinh lợi và bảo toàn vốn. Bài báo giới thiệu về thực trạng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty Cổ phần than Mông Dương – Vinacomin (2017-2019). Từ góc nhìn thực tế, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin trong thời gian tới.

© 2020 Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Tất cả các quyền được bảo đảm.

## 1. Mở đầu

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp tập trung ở rất nhiều lĩnh vực khác nhau như xây dựng, cơ điện,... (Lương Anh Hùng, 2019), (Cao Văn Kế, 2015), (Trần Nam Trung, 2012), (Nguyễn Tuấn Việt, 2018) và (Nguyễn Đăng Hạc, 1998). Mỗi nghiên cứu đều đưa ra lý luận, thực trạng, những nguyên nhân chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp. Vốn kinh doanh là một trong những nguồn lực quan trọng nhất và không thể thiếu trong bất cứ hoạt động nào của một doanh nghiệp. Việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh là mục tiêu và nhiệm vụ

trọng tâm của công tác quản lý tài chính trong doanh nghiệp. Việc hình thành một cơ cấu vốn hợp lý, sử dụng tiết kiệm và đẩy nhanh tốc độ luân chuyển của vốn góp phần đảm bảo an toàn tài chính, gia tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp nào cũng làm tốt việc đó, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay, mặc dù tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (CSH) của những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam đang có xu hướng giảm, các doanh nghiệp vẫn chú trọng đến việc tăng quy mô vốn thay vì tập trung nâng cao hiệu quả kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn. Thực tế cho thấy nếu tăng quy mô vốn kinh doanh mà không có biện pháp quản lý hiệu quả, doanh nghiệp dễ bị rơi vào tình trạng thất thoát, lãng phí vốn, gia tăng gánh nặng trả lãi, chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với Công ty Cổ phần Than Mông Dương, nguồn vốn huy động phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn vay với lãi suất cao, khả năng thanh

\*Tác giả liên hệ

E - mail: [trang11101010@gmail.com](mailto:trang11101010@gmail.com)

DOI: 10.46326/JMES.KTQT2020.02

toán các khoản nợ gặp nhiều khó khăn,... ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty than Cổ phần than Mông Dương. Chính vì vậy cần thiết có nghiên cứu hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh – Nhìn từ thực tế tại Công ty Cổ phần than Mông Dương – Vinacomin.

## 2. Tổng quan về vốn kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp

### 2.1. Vốn kinh doanh trong doanh nghiệp

Vốn kinh doanh là toàn bộ số tiền để đầu tư các yếu tố đầu vào của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó được sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích sinh lời cho doanh nghiệp.

Khi thành lập doanh nghiệp phải có một lượng vốn tối thiểu cần thiết đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn được doanh nghiệp sử dụng cho đầu tư, mua sắm tài sản cố định, đầu tư cho sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Như vậy, vốn kinh doanh có vai trò rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và góp phần cải thiện, thay đổi cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp.

Vốn kinh doanh được nhận diện và phân loại theo Bảng 1.

### 2.2. Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh trong doanh nghiệp

Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ quản lý sử dụng vốn của doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được lợi ích tối đa hoặc tối thiểu hoá số vốn và thời gian sử dụng vốn trong điều kiện nguồn lực xác định phù hợp với mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp. Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh thường được

thể hiện thông qua quan hệ so sánh giữa các lợi ích trực tiếp và gián tiếp thu được với các chi phí trực tiếp và gián tiếp bỏ ra trong quá trình kinh doanh. Nếu coi hiệu quả sản xuất kinh doanh là mục tiêu thì hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh là một phương tiện hữu hiệu để đạt được mục tiêu đó.

Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh được thể hiện thông qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh trong doanh nghiệp như: Tỷ suất lợi nhuận trên vốn kinh doanh (ROA), tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS), vòng quay toàn bộ vốn,...

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Hệ số ROA phản ánh mỗi đồng vốn sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) = (Lợi nhuận sau thuế) / (Vốn KD bình quân trong kỳ) × 100%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Hệ số này đo lường mức lợi nhuận sau thuế thu được trên mỗi đồng vốn của chủ sở hữu trong kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = (Lợi nhuận sau thuế) / (Vốn CSH bình quân) × 100%.

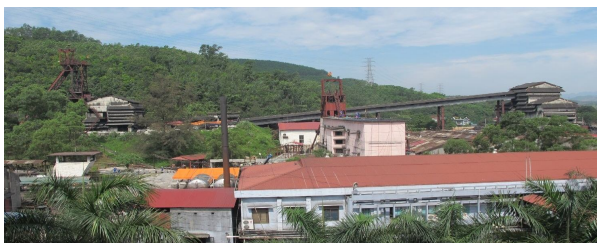
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS): Hệ số này phản ánh khả năng quản lý tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này phản ánh mối quan hệ giữa lợi nhuận sau thuế và doanh thu thuần trong kỳ của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này cho biết 1 đồng doanh thu trong kỳ doanh nghiệp có thể thu được bao nhiêu lợi nhuận.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS) = (Lợi nhuận sau thuế) / (Doanh thu thuần trong kỳ) × 100%.

Vòng quay toàn bộ vốn: Vòng quay này cho biết một vòng vốn kinh doanh thu được bao nhiêu doanh thu thuần.

Bảng 1. Tổng hợp nhận diện và phân loại vốn kinh doanh.

Tiêu thức nhận diện	Loại vốn kinh doanh
Căn cứ theo đặc điểm luân chuyển của vốn	Vốn cố định Vốn lưu động
Căn cứ theo quan hệ sở hữu về vốn	Nguồn vốn sở hữu Nguồn vốn nợ phải trả
Căn cứ theo thời gian huy động và sử dụng vốn	Nguồn vốn thường xuyên Nguồn vốn tạm thời



Hình 1. Khu văn phòng và tháp giếng Công ty Cổ phần Than Mông Dương.

Vòng quay toàn bộ vốn = (Doanh thu thuần)/(Vốn kinh doanh bình quân).

### 3. Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

#### 3.1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin tiền thân là Mỏ than Mông Dương được thành lập từ ngày 01 tháng 4 năm 1982. Năm 2008, Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và điều lệ Công ty. Ngành nghề sản xuất chính của Công ty: sản xuất, chế biến, kinh doanh than và các loại khoáng sản khác; chế tạo, sửa chữa, phục hồi thiết bị mỏ, vận tải đường bộ đường sắt đường biển; xây dựng công trình mỏ. Diện tích khai trường 10,9 km<sup>2</sup>, phía Bắc giáp Sông Mông Dương, phía Nam giáp xí nghiệp 790, phía Tây giáp Công ty than Khe Châm, phía Đông giáp với Vịnh Bái Tử Long trong Hình 1.

#### 3.2. Quy mô và cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

Quy mô vốn giai đoạn 2017÷2019 của Công ty có xu hướng giảm. Nguồn vốn của công ty giảm nguyên nhân chủ yếu do các khoản nợ giảm, nợ ngắn hạn, nợ dài hạn giảm tuy nhiên nguồn vốn chủ sở hữu lại tăng qua các năm. Cụ thể năm 2019 nguồn vốn chủ sở hữu tăng 3.460.803.070 đồng so với năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu cuối năm 2018 tăng 3.935.438.919 so với năm 2017. Về cơ cấu nguồn vốn, tỷ trọng nợ phải trả có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2017÷2019, đồng thời tỷ trọng vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng lên (2017: 18%; 2018: 17%, 2019: 20%). Đây là một dấu hiệu tốt, điều này cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Công ty qua các năm được cải thiện có

chiều hướng tốt lên. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình đảm bảo tài chính của Công ty như tỷ suất nợ, tỷ suất tự tài trợ, tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu cuối năm 2019 đều tốt hơn so với cuối năm 2018, 2017 (Bảng 2).

#### 3.3. Tình hình sử dụng vốn của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

Tình hình sử dụng vốn của Công ty giảm dần qua các năm nguyên nhân chủ yếu là do các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn giảm, tài sản của Công ty giảm chủ yếu do giảm giá trị đào lò xây dựng cơ bản thuộc dự án Khai thác Giai đoạn II - mỏ than Mông Dương (điều chỉnh). Các khoản dự trữ tăng chủ yếu là do tăng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; trong đó dự trữ các vật tư dự phòng mưa lũ, các vật tư, công cụ dụng cụ có tính đặc thù, sẵn sàng phục vụ cho sản xuất (do Mông Dương là mỏ hầm lò, hoạt động ở độ sâu dưới -250 m so với mực nước biển, càng ngày khai thác càng xuống sâu, nhu cầu dự trữ các vật tư đặc thù càng trở nên cần thiết. Các khoản phải thu biến động không ngừng trong giai đoạn 2017÷2019, năm 2019, tổng giá trị phải thu của Công ty thấp nhất, là: 218.534.005.383 đồng, trong đó chủ yếu là phải thu tiền than. Các khoản phải thu năm 2019 giảm chủ yếu là do giảm khoản phải thu tiền than của Công ty Tuyển Than Cửa Ông và Công ty Kho Vận và Cảng Cẩm Phả. Khoản phải thu cuối năm 2019 thấp hơn nhiều so với năm 2017 và năm 2018 cho thấy Công ty đã quản lý tương đối tốt các khoản công nợ phải thu, nhất là phải thu tiền than. (Bảng 3).

#### 3.4. Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh được thể hiện thông qua các chỉ tiêu ROA, ROE, ROS, và vòng quay của vốn. Các chỉ tiêu của công ty đều tăng dần qua các năm (Bảng 4). Cụ thể ROA năm 2017 là 0,009 cho thấy một đồng vốn kinh doanh năm 2017 tạo ra 0,009 đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này tăng liên tiếp trong 2 năm (2018: 0,016; 2019: 0,019). Qua đó có thể thấy rằng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty đã được cải thiện rõ rệt. Bên cạnh đó, ROE trong giai đoạn 2017÷2019 có sự tăng trưởng đáng khích lệ, năm 2017 một đồng vốn chủ sở hữu chỉ tạo ra 0,047 đồng lợi

Bảng 2. Quy mô và cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Than Mông Dương giai đoạn 2017 - 2019

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty Cổ phần than Mông Dương – vinacomin 2017 – 2019)

Chỉ tiêu	ĐVT	Cuối năm 2017	Cuối năm 2018	Cuối năm 2019	Chênh lệch 2019 – 2018		Chênh lệch 2018 – 2017	
					+/-	%	+/-	%
I. Tài sản	Đồng	1.320.500.918.702	1.426.576.240.995	1.188.609.682.308	-237.966.558.687	0,83	106.075.322.293	1,08
1. TSNH	Đồng	371.461.747.286	467.056.070.757	287.701.131.896	-179.354.938.861	0,62	95.594.323.471	1,26
2.TSDH	Đồng	949.039.171.416	959.520.170.238	900.908.550.412	-58.611.619.826	0,94	10.480.998.822	1,01
II. Nguồn vốn	Đồng	1.320.500.918.702	1.426.576.240.995	1.188.609.682.308	-237.966.558.687	0,83	106.075.322.293	1,08
1. Nợ phải trả	Đồng	1.084.653.956.411	1.186.793.839.785	945.366.478.028	-241.427.361.757	0,80	102.139.883.374	1,09
Nợ ngắn hạn	Đồng	535.425.804.330	713.981.015.770	531.665.685.577	-182.315.330.193	0,74	178.555.211.440	1,33
Nợ dài hạn	Đồng	549.228.152.081	472.812.824.015	413.700.792.451	-59.112.031.564	0,87	-76.415.328.066	0,86
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	235.846.962.291	239.782.401.210	243.243.204.280	3.460.803.070	1,01	3.935.438.919	1,02
3. Nguồn vốn tạm thời	Đồng	535.425.804.330	713.981.015.770	531.665.685.577	-182.315.330.193	0,74	178.555.211.440	1,33
4. Nguồn vốn thường xuyên	Đồng	785.075.114.372	712.595.225.225	656.943.996.731	-55.651.228.494	0,92	-72.479.889.147	0,91
III. Chỉ tiêu tính toán								
Tỷ suất nợ	%	0,82	0,83	0,80	-0,04	0,96	0,01	1,01
Tỷ suất tự tài trợ	%	0,18	0,17	0,20	0,04	1,22	-0,01	0,94
Tỷ suất nợ trên VCSH	%	4,60	4,95	3,89	-1,06	0,79	0,35	1,08
Tỷ suất NV thường xuyên	%	0,59	0,50	0,55	0,05	1,11	-0,10	0,84
Tỷ suất NV tạm thời	%	0,41	0,50	0,45	-0,05	0,89	0,10	1,23

Bảng 3. Tình hình sử dụng vốn của Công ty giai đoạn 2017 - 2019.

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty Cổ phần than Mông Dương – vinacomin 2017 – 2019)

Chỉ tiêu	Cuối năm 2017	Cuối năm 2018	Cuối năm 2019	Sử dụng vốn		Nguồn vốn	
				2019/2018	2018/2017	2019/2018	2018/2017
A. Tài sản	1.320.500.918.702	1.426.576.240.995	1.188.609.682.308			-237.966.558.687	106.075.322.293
1. Các khoản phải thu	335.287.038.293	434.973.991.401	218.534.005.383	-216.439.986.018	99.686.953.108		
2. Dự trữ	29.290.197.149	34.150.391.644	40.558.022.797	6.407.631.153	4.860.194.495		
3. TSCĐ	565.952.044.052	569.973.598.854	491.175.142.694	-78.798.456.160	4.021.554.802		
B. Nguồn vốn	1.320.500.918.702	1.426.576.240.995	1.188.609.682.308			-237.966.558.687	106.075.322.293
1. Nợ ngắn hạn	535.425.804.330	713.981.015.770	531.665.685.577			-182.315.330.193	178.555.211.440
2. Nợ dài hạn	549.228.152.081	472.812.824.015	413.700.792.451			-59.112.031.564	-76.415.328.066
3. Vốn chủ sở hữu	235.846.962.291	239.782.401.210	243.243.204.280			3.460.803.070	3.935.438.919

Bảng 4. Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2017 - 2019.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	2019/2018		2018/2017	
						+/-	%	+/-	%
1	Doanh thu thuần	Đồng	1.444.346.612.605	1.957.178.368.772	2.077.359.207.678	120.180.838.906	1,06	512.831.756.167	1,36
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	11.307.436.327	21.748.793.423	25.209.596.493	3.460.803.070	1,16	10.441.357.096	1,92
3	Vốn chủ sở hữu bình quân	Đồng	240.314.569.218	237.814.681.751	241.512.802.745	3.698.120.994	1,02	(2.499.887.467)	0,99
4	Vốn kinh doanh bình quân	Đồng	1.320.164.056.696	1.373.538.579.849	1.307.592.961.652	(65.945.618.197)	0,95	53.374.523.153	1,04
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn kinh doanh (ROA)	đ/đ	0,009	0,016	0,019	0,003	1,22	0,05	1,85
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu(ROE)	đ/đ	0,047	0,091	0,104	0,01	1,14	0,04	1,94
7	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	đ/đ	0,008	0,011	0,012	0,001	1,09	0,003	1,42
8	Vòng quay toàn bộ vốn	Vòng	1,09	1,42	1,59	0,16	1,11	0,33	1,30

nhuận, nhưng 2018 một đồng vốn chủ sở hữu đã tạo ra 0,091 đồng lợi nhuận và năm 2019 con số này là 0,104 đồng lợi nhuận. Đối với Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin, ROE trong giai đoạn 2017 -2019 tăng cao không những chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu đã được nâng lên mà nó còn là động lực thu hút vốn đầu tư của các cổ đông khi Công ty phát hành cổ phiếu huy động vốn trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra chỉ tiêu khác như ROS trong giai đoạn 2017÷2019 cũng cho thấy hiệu quả kinh doanh của Công ty có sự cải thiện khi mà trong một đồng doanh thu đều lần lượt có 0,008 đồng lợi nhuận năm 2017; có 0,011 đồng lợi nhuận năm 2018 và có 0,012 đồng lợi nhuận năm 2019. Vòng quay vốn kinh doanh tăng nhanh từ 1,09 vòng năm 2017, lên 1,42 vòng năm 2018 và tiếp tục tăng lên 1,59 vòng năm 2019. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty Cổ phần than Mông Dương – Vinacomin tăng lên cho thấy Công ty đã có nhiều biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong giai đoạn vừa qua. Mặc dù chịu sự tác động của khủng hoảng của nền kinh tế, sự điều chỉnh chính sách của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, giá cả nguyên vật liệu các yếu tố đầu vào biến động tăng, điều kiện khai thác ngày càng khó khăn đã tạo ra những thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần than Mông Dương, tuy nhiên Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp kịp thời thông qua việc tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí, sử dụng hiệu quả tài sản, tăng cường và đa dạng hóa phương thức huy động vốn, qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.

### **3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin**

Để đánh giá một cách toàn diện về hiệu quả kinh doanh của Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin đạt được trong giai đoạn vừa qua, có thể thấy một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng vốn của Công ty như sau:

Thứ nhất, về đặc điểm kinh tế kỹ thuật: Đối với Công ty, sản xuất ngày càng xuống sâu, đi xa, điều kiện địa chất biến động mạnh khai thác khó khăn; thuế phí ở mức cao, thẩm định các dự án, cấp và gia hạn giấy phép vướng mắc nhiều thủ tục; công tác tuyển sinh lao động, đặc biệt là lao động hầm lò mặc dù có nhiều khởi sắc nhưng tỷ lệ hao hụt

(Bỏ việc, sa thải, nghỉ chế độ,...) trong năm kế hoạch vẫn ở mức cao. Khu vực khai thác lộ thiên đến 8/5/2019 mới được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 1145/GP-BTNMT, đến 31/5/2019 mới hoàn thiện thủ tục sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và hợp đồng dịch vụ nổ mìn với Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Cẩm Phả (do Công ty không đảm bảo điều kiện nhân lực để thực hiện tự nổ mìn).

Thứ hai về năng lực, trình độ con người: Trình độ học vấn, trình độ quản lý, trình độ khoa học công nghệ của ban lãnh đạo, của cán bộ trong Công ty chịu tác động của cơ chế Tập đoàn, môi trường làm việc, khả năng tiếp cận ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý còn kém. Trong ngành than nói chung và Công ty cổ phần Than Mông Dương nói riêng, đội ngũ lao động kỹ thuật cao luôn thiếu hụt và có xu hướng giảm (do Công ty cổ phần than Mông Dương hoạt động khai thác chủ yếu là khai thác hầm lò, hoạt động khai thác xuống sâu trong lòng đất tiềm ẩn nhiều rủi ro cao không thu hút lực lượng lao động).

Thứ ba về công tác tổ chức, quản lý, sử dụng vốn: Trong những năm qua, Công ty Cổ phần than Mông Dương gặp không ít những khó khăn, thách thức do những bất cập trong sản xuất, kinh doanh như: giá bán than trong nước thấp, các chính sách thuế, phí ngày càng tăng cao, việc cấp phép tài nguyên của các cán bộ chuyên ngành chậm, quy định hiện hành về thủ tục, trình tự thực hiện dự án khai thác, sàng tuyển, chế biến tiêu thụ than chưa phù hợp với tính chất đặc thù đã làm chậm tiến độ như dự án,... từ đó đã ảnh hưởng tới khả năng tăng trưởng của Công ty trong thời gian qua.

Thứ tư về cơ chế quản lý, giám sát của chủ sở hữu đối với Công ty: Việc quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của Công ty chịu tác động của hệ thống giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty như: Chính phủ, Bộ tài chính, Bộ công thương, Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam. Công ty cổ phần than Mông Dương là công ty con của Tập đoàn than Khoáng sản Việt Nam nên công tác kế hoạch sử dụng vốn cũng bị chi phối, khó tập trung khiến cho tính chủ động trong đầu tư của công ty giảm.

### **4. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin**

#### **4.1. Xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng vốn**

Công ty cần xây dựng chiến lược, kế hoạch tài chính dài hạn nhằm chủ động trong việc sử dụng và huy động vốn hàng năm. Quản lý và kiểm soát các khoản vốn đưa vào công ty một cách hợp lý: Quản lý tốt có biện pháp, giải pháp thu hồi công nợ, các khoản thu khó đòi, giảm vốn vay, Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí, thực hiện khoán chi phí đối với các công việc không thường xuyên. Tận dụng thời cơ thích hợp để lựa chọn phương thức, thời điểm huy động vốn với chi phí hợp lý. Tăng cường kiểm soát nguồn thu để tránh thất thoát.

#### **4.2. Xây dựng nguồn lực con người**

Công ty sử dụng nguồn lực nhân sự hiệu quả: Xây dựng những chính sách, quyền lợi phù hợp với người lao động. Xây dựng chiến lược nhân sự, có phương án phù hợp với nhân sự dư thừa, nâng cao trình độ của nhân viên thông qua các lớp tập huấn kỹ năng. Xây dựng tiêu chuẩn nhân viên cho việc sử dụng và bố trí nhân sự. Nâng cao năng lực chuyên môn của nhà quản trị, nâng cao năng lực chuyên môn, thường xuyên trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, lãnh đạo, nhân viên trong công ty.

#### **4.3. Đầu tư tài sản cố định và áp dụng công nghệ mới trong khai thác**

Việc đầu tư, đổi mới công nghệ thiết bị cũ, hỏng tiêu tốn nhiều năng lượng, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động là rất cần thiết. Việc áp dụng công nghệ mới phải có vốn, trước khi đầu tư cần phải khảo sát thị trường, thăm dò thị trường cho phù hợp. Tích cực nghiên cứu các ứng dụng, đầu tư cho đổi mới phải có phương án đầu tư, đổi mới công nghệ, từng bước nâng cao giá trị sản phẩm để tăng cường hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh. Trong năm 2019, Công ty đã tiến hành đầu tư cơ giới hóa trong khai thác than hầm lò, nhưng mới chỉ thí điểm tại một phân xưởng khai thác. Công ty nên đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, tiếp cận với công nghệ tiên tiến. Công ty cần đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại để giảm bớt sức người để có thể giữ chân lao động của mình cũng như nâng cao được năng suất lao động. Công ty cần có kế hoạch cải tiến sử dụng tài sản cố định nhằm nâng cao hệ số sử dụng máy theo công suất, theo thời gian và theo công việc

máy hoạt động. Tổ chức sử dụng tài sản cố định hợp lý như kết hợp giữa phương án đi thuê và tự mua sắm, đào tạo và hướng dẫn người thợ vận hành máy móc đạt hiệu quả khai thác vừa bảo vệ an toàn cho tài sản. Công ty nên lập kế hoạch dự trữ tài sản cố định sao cho vừa đảm bảo cho quá trình sản xuất được liên tục lại vừa hợp lý về mặt kinh tế tránh xảy ra lãng phí, gây giảm hiệu quả kinh tế.

#### **5. Kết luận**

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh trong doanh nghiệp là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của công ty Cổ phần than Mông Dương – Vinacomin chưa cao, cần áp dụng các giải pháp kịp thời, thiết thực để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn của công ty.

#### **Những đóng góp của tác giả**

Tác giả Nguyễn Thị Huyền Trang hình thành ý tưởng, triển khai các nội dung và hoàn thiện bản thảo cuối cùng của bài báo. Tác giả Nguyễn Thị Tuyết Mai thu thập số liệu, tài liệu, đọc bản thảo.

#### **Tài liệu tham khảo**

- Lương Anh Hùng, (2019). *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty Cảng – Tổng Công ty Đông Bắc*. Luận văn thạc sĩ, Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.
- Cao Văn Kế, (2015). *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng ở Việt Nam hiện nay*. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện tài chính, 241 trang.
- Trần Nam Trung, (2012). *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty xây dựng công trình giao thông 208 thuộc Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4*. Luận án thạc sĩ kinh tế, Học viện tài chính, 237 trang.
- Nguyễn Tuấn Việt, (2018). *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần Điện cơ Hải phòng*. Luận văn thạc sĩ, Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội.
- Nguyễn Đăng Hạc (1998), *Phân tích kinh tế hoạt động SXKD của DNXD, Nhà xuất bản Xây dựng*, Hà Nội.
- Báo cáo tài chính công ty Cổ phần than Mông Dương – vinacomin (2017 – 2019).